



CHÍNH SÁCH XOAY TRỤC SANG ĐÔNG Á CỦA MỸ: VỀ PHƯƠNG DIỆN HẢI QUÂN

Nguồn: Christian Le Mière (2012). “America's Pivot to East Asia: The Naval Dimension”, *Survival: Global Politics and Strategy*, Vol. 54, No. 3, pp. 81-94.

Biên dịch & Hiệu đính: Vương Tuấn Hưng

Công bố của Tổng thống Mỹ Barack Obama và Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta vào đầu tháng 1 năm 2012 về việc điều chỉnh chiến lược quốc phòng đã khẳng định rằng Mỹ đang hướng sự chú ý tới khu vực châu Á – Thái Bình Dương khi mà các cam kết tiến hành chiến tranh ở Trung Đông và Trung Á lắng xuống. Trong một cuộc họp báo tại Lầu Năm Góc vào ngày 5 tháng 1, Tổng thống Obama, Bộ trưởng Quốc phòng Panetta và Tổng tham mưu trưởng Liên quân Martin Dempsey đã đề cập đến văn bản hướng dẫn chiến lược mới “Duy trì vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ: Những ưu tiên trong chiến lược quốc phòng thế kỷ 21”. Là sản phẩm của một quá trình rà soát lại những ưu tiên quốc phòng của Mỹ “trong thời điểm quá độ”, văn bản này cho biết Mỹ sẽ “cần phải tái cân bằng sang khu vực Châu Á – Thái Bình Dương”.¹ Chính sách xoay trục về châu Á cũng đã được Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đề cập tới trong một bài trên tạp chí *Foreign Policy* vào tháng 11 năm 2011, trong đó bà nhấn mạnh rằng “Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ trong thập niên tới sẽ là thực hiện một khoản đầu tư gia tăng đáng kể trong các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, chiến lược,... vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương”.²

Tuy tài liệu “Duy trì vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ” không đề cập chi tiết về việc chuyển trọng tâm sang châu Á, một vài chi tiết trong số đó đã dần được nhận thấy một cách rõ ràng, đặc biệt là đối với lực lượng Hải quân và Thủy quân lục chiến. Sau công bố của Bộ trưởng Quốc phòng lúc đó là Robert Gates tại đối thoại Shangri-La ở Singapore vào hồi tháng 6 năm 2011,³ trong một bài viết trên tạp chí *Proceedings* vào tháng 12 cùng năm, đô đốc Jonathan Greenart, Tư lệnh Hải quân mới của Mỹ, cho biết Hải quân Mỹ sẽ “triển khai một số tàu chiến gần bờ mới nhất đến cơ sở Hải quân của Singapore”. Ông Greenart cũng

đưa ra khả năng là cho đến năm 2025 Mỹ sẽ lần lượt điều động máy bay chống ngầm P-8A *Poseidon* hoặc “các khí cụ bay giám sát hàng hải không người lái phạm vi rộng” có thể được triển khai đến Philippines hoặc Thái Lan để “giúp những quốc gia này giám sát vùng biển”.⁴

Đây không phải là chi tiết đầu tiên được công bố trong chính sách phòng thủ của Mỹ ở châu Á. Vào tháng 11, Tổng thống Obama tuyên bố đã đạt được thỏa thuận với Australia cho phép đến 2.500 lính thủy đánh bộ đồn trú luân phiên 6 tháng một lần ở khu vực Lãnh thổ Phía Bắc nước này.⁵ 200 lính thủy đánh bộ đầu tiên đã đến đây vào đầu tháng 4, cùng lúc 2 nước vẫn đang bàn luận về việc tăng thêm số tàu chiến của Hải quân Mỹ quá cảnh các căn cứ của Australia, đặc biệt là căn cứ HMAS *Stirling*.

Những cam kết chưa được triển khai cũng đã bắt đầu lộ diện và được ủng hộ trong năm qua. Cũng trong tháng 11, Ngoại trưởng Hillary Clinton, bằng việc ký “Tuyên bố Manila” với Ngoại trưởng Philippine Albert del Rosaria nhằm kỷ niệm 60 năm Hiệp ước phòng thủ chung 1951, đã một lần nữa tái khẳng định liên minh giữa Mỹ và Philippines. Sau khi ký tuyên bố trong một buổi lễ mang tính biểu tượng cao trên khoang tàu khu trục USS *Fitzgerald* ở Vịnh Manila, bà Hillary nói: “Chúng ta đang đảm bảo rằng năng lực phòng thủ chung và cơ sở vật chất thông tin liên lạc có thể hoạt động hiệu quả để răn đe những động thái khiêu khích”.⁶ Sau sự kiện này, Hải quân Philippine đã được Washington tặng một tàu chủ lực mới, tên là BRP *Gregorio del Pilar*, vốn là một tàu lớp Hamilton của lực lượng Tuần duyên Mỹ. Dự kiến Philippine sẽ có thêm một tàu chiến thứ 2 vào tháng 5. Trong khi đó, Mỹ và Việt Nam đã bắt đầu các hoạt động tăng cường quan hệ giữa hai quân đội thông qua các chương trình huấn luyện phi tác chiến trong tháng 7 năm 2011.

Tuy loạt công bố và sự kiện vừa rồi có thể gây ấn tượng rằng Mỹ đang tăng cường cam kết và sức mạnh quân sự ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương, nhưng thực chất những diễn biến này bắt nguồn từ nỗ lực của Mỹ trong cả một thập niên qua nhằm phân tán bớt một phần lớn lực lượng đồn trú lâu dài ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Từ đó có thể thấy rằng Mỹ đang ra sức thực hiện một chiến lược kép ở châu Á thông qua việc củng cố những cam kết quân sự khác nhau, đồng thời tránh chọc giận Trung Quốc bằng những động thái triển khai quân được coi như hiệu chiến ở gần biên giới. Mục tiêu của Washington là duy trì sự hiện diện phô trương ở châu Á – Thái Bình Dương để vừa răn đe vừa xoa dịu Trung Quốc, tránh những cuộc đối đầu trực diện.

Cùng thời điểm này, Trung Quốc, do có lực lượng hải quân yếu thế hơn so với Hải quân Mỹ, đã áp dụng một dạng chiến lược khá tương đồng với khái niệm “hạm đội hiện hữu” (“fleet-in-being”) được Bá tước thứ nhất xứ Torrington, Đô đốc Arthur Herbert của Hải quân Anh đưa ra vào thế kỷ 17. Cụ thể hơn, Torrington đã sử dụng sự có mặt một hạm đội của liên quân Anh-Hà Lan dù không có khả năng chiến thắng nhưng có thể gây thiệt hại

đáng kể để răn đe không cho quân Pháp tấn công.* Cũng giống như vậy, trong khi cố gắng che giấu những điểm yếu của mình, Trung Quốc đang muốn cho Mỹ thấy rằng họ có khả năng đáp trả bất cứ động thái gây gổ nào mà Mỹ có thể đưa ra.

Hai chiến lược của Mỹ và Trung Quốc đã tạo nên một mẫu hình đặc biệt về hành vi hải quân mang tính căng thẳng, phô trương, khi mà cả hai quốc gia đang phô diễn ý định và khả năng răn đe sự gây hấn của đối phương, nhưng đồng thời cũng cố gắng tránh đụng độ trực tiếp. Lo ngại về phía Trung Quốc là việc sử dụng chiến lược như vậy sẽ khiến Mỹ coi Trung Quốc như mối đe dọa an ninh chủ chốt và do đó sẽ tập hợp thêm lực lượng để đề phòng. Còn về phía Mỹ, việc phân tán lực lượng ra nhiều địa điểm để đối phó với chiến lược của Trung Quốc sẽ làm giảm khả năng của các lực lượng Mỹ trong việc tiến hành những trận đánh mang tính quyết định. Ngoài ra, cách tiếp cận của Mỹ tạo ra một không gian chiến lược “dễ thở” cho Trung Quốc ở khu vực cận ngoại vi, do đó có thể khiến Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quân đội Giải phóng Nhân dân trở nên khinh địch, dẫn đến những tính toán sai lầm.

Chiến lược “hạm đội hiện hữu” của Trung Quốc

“Hạm đội hiện hữu” là một khái niệm thường dùng để chỉ chiến thuật được sử dụng bởi một lực lượng hải quân yếu thế hơn nhằm răn đe không cho đối phương tấn công hoặc làm suy yếu lực lượng địch qua những đợt tấn công nhỏ lẻ và liên tục thẳng vào lực lượng hải quân địch hoặc vào các con đường giao thông trên biển. Bắt nguồn từ nỗ lực của Đô đốc Torrington nhằm tránh một cuộc quyết chiến với một hạm đội mạnh hơn nhiều của Pháp vào năm 1690 (trận chiến mà cuối cùng ông cũng không thể tránh khỏi, dẫn đến thất bại của quân Anh-Hà Lan tại Beachy Head), mục đích ban đầu của “hạm đội hiện hữu” là nhằm duy trì một sự hiện diện hải quân có thể quan sát được để hư trương thanh thế, khiến đối phương lo sợ phải chịu thiệt hại nặng nề khi đối đầu trực diện, từ đó làm đối phương mất đi nhuệ khí tấn công. Như vậy, “hạm đội hiện hữu” sử dụng trong chiến thuật truyền thống này không thể tấn công do yếu thế hơn, nhưng cũng sẽ không rút khỏi vị trí chiến lược của mình mà ngược lại, giữ vững vị trí đó để ngăn chặn những cuộc tấn công vào chính nó hay vào lãnh thổ chủ quyền (mà nó đang phòng thủ).

Kể từ sau sự kiện Torrington, thuật ngữ “hạm đội hiện hữu” đã được dùng để chỉ những hành động của một hạm đội yếu thế nhằm làm suy yếu đối thủ mạnh hơn mà không phải thông qua các trận đánh quyết định, thay vào đó là những đợt tấn công hạn chế hoặc làm gián đoạn nguồn tiếp tế, hay thậm chí là chỉ bằng chính sự có mặt của nó. Theo Geoffrey Till, chiến thuật này thường có 4 mục tiêu: đạt được một mức độ kiểm soát nhất

* Robert D. Kaplan đưa ra một cách giải thích khác về khái niệm “fleet-in-being”. Xem bài “Yếu tố địa lý của quyền lực của Trung Quốc” (<http://nghiencuuquocte.files.wordpress.com/2013/07/nghiencuuquocte-net-24-yeu-to-dia-ly-cua-quyen-luc-tq1.pdf>), trang 16 (chú thích của người biên tập).

định trên biển theo đường vòng bằng cách tránh những trận đánh quyết định; đạt được lợi ích chiến lược... bằng những hành động có ích (chẳng hạn như đánh vào thương mại hay bờ biển của đối phương) mà không kỳ vọng vào việc đánh bại lực lượng chủ lực của địch; bằng cách liên tục quấy rối và tránh né, ngăn không cho đối phương hưởng lợi thế của lực lượng vượt trội; và cuối cùng là đảm bảo cho hạm đội yếu thế của mình sống sót đến cùng.⁷

Có nhiều ví dụ trên thực tế minh họa cho chiến lược “hạm đội hiện hữu”, có thể kể đến cuộc chiến ở Peloponnesse, “hạm đội bất khả chiến bại” Armada của Tây Ban Nha hay chiến tranh Nga-Nhật, nhưng có lẽ dẫn chứng tiêu biểu nhất phải là Thuyết Rủi ro (Risikogedanke) được đưa ra bởi Đô đốc hải quân Đức Alfred von Tirpitz trong một bản ghi nhớ bí mật vào tháng 6 năm 1897.⁸ Đô đốc Tirpitz cho rằng nước Đức không nên đụng độ với tất cả các mối đe dọa về hải quân, mà thay vào đó chỉ tập trung vào một đối thủ chính (tuy ông không nhắc đến tên của đối thủ này, nhưng có thể hiểu rằng đó chính là Hải quân Hoàng gia Anh). Do đó ông đề xuất sử dụng một hạm đội có kích thước và sức mạnh vừa đủ để gây thiệt hại đáng kể cho Đại Hạm đội của Hải quân Hoàng gia Anh, qua đó làm suy yếu vị thế chiến lược và đe dọa sự thống trị của hạm đội này trong bối cảnh Đức còn phải đối đầu với các quốc gia khác như Pháp và Nga. Nhìn chung hạm đội này của Đức vẫn yếu thế hơn, nhưng vẫn sẽ khiến hạm đội Anh mất đi ý chí tấn công. Sau đó hàng loạt đạo luật hải quân đã được ban hành, trong đó đáng kể nhất là Đạo luật liên quan đến hạm đội Đức ngày 14 tháng 6 năm 1900, theo đó số tàu chiến trong hạm đội phải tăng gấp đôi thành 38 tàu. Với kích cỡ như vậy, hạm đội này sẽ tạo ra một lượng rủi ro đủ lớn để Hải quân Anh cảm thấy mối nguy hiểm từ những hiểm họa tiềm tàng khác, dẫn đến không còn muốn chạm trán với Đức.

Cũng như vậy, được đặt theo tên của Đô đốc Tirpitz, một tàu chiến lớp Bismarck đã được hạ thủy vào năm 1941, tạo nên một ví dụ hoàn hảo cho chiến lược “hạm đội hiện hữu” áp dụng trong thời chiến, cụ thể là vào Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Chỉ dùng sự hiện diện của mình, cùng với sự bao bọc tuyệt vời của những vùng vịnh hẹp ở Na Uy, tàu Tirpitz cùng đoàn hộ tống đã trở thành một mối đe dọa giao thông hàng hải cho Liên Xô, buộc Hạm đội chủ lực của Hải quân Hoàng gia Anh “Home Fleet” phải có mặt và bị cầm chân ở khu vực này. Theo thư của Thủ tướng Anh Winston Churchill gửi cho Thứ trưởng thứ nhất Hải quân Dudley Pound vào tháng 8 năm 1941, con tàu này “tạo ra một nỗi sợ mơ hồ, đe dọa tất cả các điểm cùng một lúc. Nó thoát ần thoát hiện gây phản ứng trực tiếp và nhiễu loạn cho đối phương.”⁹

Chiến thuật cố tình tránh những trận chiến quyết định này có thể coi như hoàn toàn trái ngược với học thuyết của Alfred Thayer Mahan vốn đôi khi được Hải quân Mỹ áp dụng rộng rãi: tập trung vào trận đánh của hạm đội chủ lực. Tuy nhiên, Chính Mahan cũng hiểu được lợi ích của chiến lược “hạm đội hiện hữu” trong trường hợp một lực lượng yếu thế phải đối mặt với kẻ địch mạnh hơn:

Mục tiêu của bên yếu hơn là phải giữ được vùng biển càng nhiều càng tốt; không được tách rời lực lượng tàu chiến, mà phải tập trung lại; phải sử dụng tính lưu động, ít xuất hiện để tạo ra tin đồn tăng lên theo cấp số nhân, từ đó tạo ra đe dọa ở nhiều hướng, khiến cho đối phương phải phân tán lực lượng, tóm lại là phải khiến đối phương, theo như Daveluy gọi, phải “đi đời binh lực” một cách không thuận lợi.¹⁰

Những hoạt động hiện tại của Hải quân Trung Quốc rất giống với các yếu tố của chiến lược “hạm đội hiện hữu”, đặc biệt là Thuyết Rủi ro của Tirpitz. Đây là một phần trong chiến lược “phong tỏa biển” (tạm dịch từ “sea-denial”), đối nghịch với chiến lược “kiểm soát biển” (“sea-control”). Hạm đội được sử dụng không nhắm đến quyền kiểm soát vùng biển mà nhìn chung để cho đối thủ mạnh hơn kiểm soát, nhưng đồng thời cũng ngăn không cho đối phương ngự trị các vùng biển trong một số thời điểm nhất định bằng cách sử dụng sự hiện diện và mối đe dọa đến từ hạm đội này.

Khả năng phong tỏa và chống xâm nhập được ca ngợi rất cao của Trung Quốc, bao gồm một hạm đội tàu ngầm lớn, tên lửa đạn đạo chống tàu và những chiến hạm lưu động được trang bị tên lửa chống tàu, là công cụ chính để Trung Quốc theo đuổi chiến lược “hạm đội hiện hữu”. Đây là nền tảng để họ cho Mỹ thấy rằng bất cứ nhóm đặc nhiệm hải quân nào được cử đi đối đầu với Trung Quốc đều sẽ phải chịu thiệt hại khôn lường. Thay vì thống trị vùng biển hay triển khai sức mạnh vượt ra ngoài biên giới, trong vài chục năm gần đây Trung Quốc đã áp dụng chiến lược phát triển công nghệ tàng hình và tốc độ để trở nên khó theo dõi và đối phó. Những công nghệ như tên lửa đạn đạo chống tàu (thường được gọi là “sát thủ tàu sân bay”) được dùng để răn đe không cho Hải quân Mỹ điều động những chiến hạm cỡ lớn, tức là nhắm vào chính những lợi thế của Mỹ mà Hải quân Trung Quốc không có. Những cuộc tập trận thường xuyên và những ngày đặc biệt như kỷ niệm 60 năm ngày thành lập hạm đội vào tháng 4 năm 2009 là dịp để Trung Quốc có thể phô diễn những sức mạnh trên. Những cuộc tập trận này tuân theo đúng gợi ý của Julian Corbett rằng chiến thuật “hạm đội hiện hữu” đòi hỏi “hạm đội phải hiện hữu một cách tích cực, không đơn thuần chỉ là tồn tại mà phải hoạt động và đầy sức sống”.¹¹

Chắc chắn chiến lược của Trung Quốc có thể còn tiến hóa cùng sự phát triển lớn hơn trong khả năng triển khai sức mạnh của nước này. Hiện tại Trung Quốc đã có sẵn một chương trình phát triển tàu sân bay, 3 tàu tấn công lưỡng cư loại 071 và một hạm đội ngày càng được mở rộng gồm những chiến hạm mạnh và hiện đại. Mặc dù vậy, trong tương lai Hải quân Trung Quốc vẫn là bên yếu thế hơn trên chiến trường Thái Bình Dương, do vậy họ vẫn sẽ áp dụng chính sách răn đe qua các hành động phô diễn sức mạnh có thể gây cho bất kỳ đối phương nào các thiệt hại không nhỏ.

Chiến lược “hạm đội phân tán” của Mỹ

Trở trêu thay, một vài khía cạnh trong chiến lược hải quân hiện tại của Mỹ ở Đông Á lại khá giống với chiến lược “hạm đội hiện hữu” của Trung Quốc. Tuy đang ở vị thế đứng đầu khu vực, nhưng lực lượng hải quân và lính thủy đánh bộ Mỹ cũng đang tránh đụng độ trực tiếp và cùng lúc đó có những hành động răn đe các động thái gây hấn của Trung Quốc. Tóm lại, Mỹ, lực lượng hải quân với ưu thế vượt trội, đang cố tình giữ khoảng cách để tránh xung đột và cũng để phòng bị tốt hơn trước những loạt tên lửa của đối thủ, nhưng đồng thời duy trì đủ lực lượng tấn công để tạo áp lực và răn đe. Chiến lược này có thể được gọi là “fleet-in-dispersal”, hay “hạm đội phân tán”.

Bằng chứng cho thấy Mỹ đang áp dụng chiến lược này nằm ở những thông báo gần đây về việc hướng lại sự chú ý về phía châu Á và ở những thay đổi lực lượng trên thực tế ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương trong vòng 10 năm trở lại đây. Đã có rất nhiều ý kiến được đưa ra xoay quanh những thông báo gần đây về sự gia tăng hiện diện của quân đội Mỹ trong khu vực. Do Mỹ đang duy trì hiệp ước phòng thủ với 5 nước châu Á-Thái Bình Dương, sẽ là khôn khéo về mặt ngoại giao nếu Mỹ đề cao việc triển khai quân diễn ra gần đây như là nhằm duy trì cam kết giữ gìn ổn định và tự do hàng hải qua các vùng biển chung của khu vực. Sự bảo đảm này có thể nói là ngày càng cần thiết trong hoàn cảnh quan hệ của các bên tranh chấp ở Biển Đông gần đây đã trở nên xấu đi, xung đột ngoại giao xảy ra đều đặn ở vùng biển Hoa Đông, quan điểm ngoại giao của Bắc Kinh trong 2 năm gần đây được coi là trở nên cứng rắn hơn, và cuối cùng là mối đe dọa nhận thấy được ở tiềm lực hải quân gia tăng của Trung Quốc (kết hợp với mối lo tiềm ẩn về chủ nghĩa sô vanh Trung Quốc). Tại Hội nghị thượng đỉnh An ninh châu Á IISS, hay còn gọi là Đối thoại Shangri-La, diễn ra vào tháng 6 năm 2011, một trong những chủ đề chính là mong muốn một tín hiệu rõ ràng trong việc Mỹ kéo dài các cam kết của mình.¹²

Khó khăn đối với Bộ quốc phòng và Bộ Ngoại giao Mỹ, đặc biệt là Bộ chỉ huy Thái Bình Dương, chính là phải đưa ra được lời đảm bảo cho các nước châu Á mà vẫn tránh được cơn thịnh nộ của Trung Quốc, vốn đang lo ngại sự bao vây của Mỹ và các nước đồng minh, đồng thời tin rằng các đối thủ đang theo đuổi chính sách siết chặt Trung Quốc trong “chuỗi đảo thứ nhất” (kéo dài từ Nhật Bản đến Đài Loan, Philippines và Biển Đông).

Do vậy, có thể nói việc điều quân của Mỹ sẽ có 2 tác động chính. Tác động thứ nhất có thể thấy ở việc triển khai tàu chiến gần bờ đến Singapore trong thời gian gần đây, cho thấy rõ ý định hỗ trợ đồng minh và đảm bảo tự do lưu thông hàng hải trong khu vực. Đảo quốc này không chỉ là đồng minh chủ chốt của Mỹ ở Đông Nam Á mà còn là một trung tâm hàng hải quốc tế, nằm trên một trong những tuyến đường giao thông trên biển tập nập nhất thế giới. Năm 2003, Chủ tịch nước Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã chính thức thừa nhận rằng quốc gia này phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nhiên liệu lưu thông qua eo biển này (90% sản phẩm năng lượng vận chuyển bằng đường biển đi qua eo biển hẹp này), lần đầu tiên nêu ra tình thế mà người Trung Quốc gọi là “thế lưỡng nan Malacca”.¹³ Trong bối cảnh đó, việc

Mỹ triển khai thêm sức mạnh ở Singapore có thể ẩn chứa một mối đe dọa cho Trung Quốc.¹⁴ Nếu chiến sự nổ ra giữa hai nước thì lực lượng Mỹ đã được bố trí sẵn để kiểm soát toàn bộ lưu thông qua eo biển này và siết chặt Trung Quốc bằng một cuộc phong tỏa. Cũng như cách Trung Quốc sử dụng chiến lược “hạm đội hiện hữu” để vô hiệu hóa sức mạnh của Hải quân Mỹ, việc Mỹ điều quân đến Singapore cũng nhắm vào điểm yếu chiến lược của Trung Quốc – sự phụ thuộc của họ vào eo biển Malacca.

Tương tự, Mỹ cũng điều lính thủy đánh bộ đến Australia như một sự trấn an rõ ràng dành cho đồng minh trong khu vực, đồng thời ngầm đe dọa Trung Quốc bằng một lực lượng lính thủy đánh bộ có thể được triển khai nhanh chóng tác chiến ở những vùng tranh chấp. Ban đầu, một đơn vị cỡ đại đội sẽ được cử đến Darwin, và con số có thể lên tới 2.500 lính thủy đánh bộ và nhân viên không quân trong những năm tới theo thời hạn 6 tháng một lần. Thông điệp dành cho Trung Quốc là rất rõ ràng: Mỹ đang mở rộng cam kết với đồng minh trong khu vực và sẽ không ngần ngại điều động lực lượng đến những nơi cần thiết.

Việc Singapore và Australia có tên trong danh sách những nước được Mỹ triển khai lực lượng hoàn toàn phù hợp với một văn kiện chiến lược khác được Bộ Quốc phòng Mỹ ban hành vào ngày 17 tháng 1 năm 2012: “Khái niệm tiếp cận tác chiến liên hợp” (Joint Operational Access Concept). Văn kiện này mô tả sự phản ứng của Mỹ đối với chiến lược chống tiếp cận/phong tỏa khu vực ngày càng mạnh của Trung Quốc, và lần đầu tiên vạch ra chi tiết ý tưởng “tác chiến hợp nhất không-hải quân” (Air-Sea Battle Concept) được đề cập đến trong bản Kiểm điểm chính sách quốc phòng bốn năm một lần năm 2010.

Một vài ý tưởng trong “Khái niệm tiếp cận tác chiến liên hợp” được áp dụng cụ thể cho chiến lược “hạm đội phân tán” triển khai ở châu Á. Ví dụ ở trang 26, văn kiện này chỉ ra rằng “ý tưởng tác chiến dựa trên nhiều chiến dịch tự duy trì cùng lúc mang lại nhiều lựa chọn cho lực lượng liên hợp và buộc đối thủ phải phòng thủ theo nhiều trục khác nhau”. Nói cách khác việc có thể triển khai quân từ nhiều nơi sẽ gây khó khăn cho hoạt động thu thập tình báo và khả năng đáp trả hiệu quả của đối phương đối với sự dịch chuyển quân. Văn kiện còn nói thêm, khi được triển khai, một lực lượng phân tán “bao gồm những thành tố liên kết tự duy trì, được hỗ trợ bởi hỏa lực liên kết, sẽ di chuyển một cách độc lập đến nhiều điểm chiến dịch, từ nhiều cảng xuất quân khác nhau, có thể thay đổi lộ trình trên đường nếu cần, tập trung nhanh chóng vào những mục tiêu chủ chốt, và lại phân tán nếu tình huống đòi hỏi”. Mặc dù văn kiện “Khái niệm tiếp cận tác chiến liên hợp” đã được thiết kế để đảm bảo sự tự do tiếp cận của quân đội Mỹ trên toàn cầu, nó cũng chỉ ra rằng sự tự do này đang bị thách thức bởi “những đối thủ tương lai ngày càng trở nên mạnh mẽ vốn nhìn nhận chiến lược chống tiếp cận/phong tỏa khu vực chống lại Mỹ như một cách hành động mang lại ưu thế cho họ”.¹⁵ Mặc dù ý kiến này có thể ở một mức độ nào đó áp dụng được cho Iran với một lực lượng lớn bao gồm các chiến hạm nhỏ được trang bị tên lửa chống tàu (mua từ Trung Quốc), thực chất đối thủ mạnh nhất trên phương diện chống tiếp cận/phong tỏa khu vực chính là Trung Quốc.

Những kế hoạch điều động lực lượng của Mỹ tại Nhật Bản và Hàn Quốc cũng là một ví dụ khác phản ánh việc Mỹ thay đổi cách bố trí quân ở Châu Á, và cùng với đó là chiến lược “hạm đội phân tán”. Các kế hoạch chính bao gồm việc rút bớt khoảng 5.000 lính thủy đánh bộ từ Lực lượng Thủy quân lục chiến Viễn chinh số III từ Okinawa, Nhật Bản để củng cố thêm đáng kể lực lượng đóng quân ở đảo Guam. (Thêm khoảng 4.000 lính thủy đánh bộ nữa sẽ rời khỏi Nhật Bản để đến Hawaii và Australia). Cùng lúc đó, lực lượng Mỹ ở Hàn Quốc đã giảm từ con số 38.500 vào năm 2004 xuống còn 28.500 và có thể con số này sẽ còn tiếp tục giảm.¹⁶ Từ sau khi kết thúc Chiến tranh lạnh, Nhật Bản và Hàn Quốc là 2 quốc gia Đông Á có sự hiện diện quân sự của Mỹ nhiều nhất. Với việc rút bớt quân ra khỏi 2 nước này, Mỹ về cơ bản đang phân tán lực lượng ra một khu vực rộng hơn, tới nhiều địa điểm hơn.

Những thay đổi trong bố trí lực lượng của Mỹ cũng có một hiệu ứng thứ hai. Việc điều quân từ Nhật Bản và Hàn Quốc có thể coi là hành động rút quân từ “tiền tuyến” chuỗi đảo thứ nhất về hậu phương là “chuỗi đảo thứ hai” (nối liền Guam, quần đảo Mariana, Palau và các đảo phía Tây Indonesia). Mỹ cũng đang dự định đầu tư 8,6 tỷ đô la (5,1 tỷ trong số này là từ Nhật Bản) để mở rộng căn cứ ở Guam và các khu vực huấn luyện xa bờ ở phía Bắc quần đảo Mariana. Từ quan điểm của Bắc Kinh, có thể nói việc Mỹ rút bớt quân đã đóng từ lâu ở hai trọng điểm Đông Á, những quốc gia có tiền sử mâu thuẫn với Trung Quốc và là đồng minh thân cận của Mỹ, có thể coi là giảm bớt áp lực lên biên giới và cho Trung Quốc khoảng không gian chiến lược mà họ trước đây vẫn còn thiếu.

Ngoài ra, việc chuyển quân đến Singapore và Australia cho thấy một quyết định đã được cân nhắc cẩn thận để tránh chọc giận Trung Quốc bằng những việc triển khai mang tính chất gây hấn. Các tàu chiến gần bờ của Mỹ sẽ được điều hấn đến Singapore, nhưng sẽ không lập căn cứ ở đó. Tháng 1 năm 2012, Đô đốc Robert Willard, Tư lệnh Bộ chỉ huy Thái Bình Dương, cho biết: “Hiện tại Mỹ không hề có ý định hay mong muốn lập thêm căn cứ quân sự ở bất cứ đâu trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương”.¹⁷ Và mặc dù Singapore nằm ngay tại một nút thắt rất quan trọng trên thế giới, đây lại không phải là một trong những quốc gia tranh chấp trên vấn đề Biển Đông. Có lẽ vì thế mà Mỹ chọn Singapore làm đồng minh Đông Nam Á đầu tiên để tăng cường triển khai quân thay vì Philippines, một đồng minh chủ chốt khác mà vẫn còn căn cứ quân sự của Mỹ trên lãnh thổ cho tới năm 1992. Mỹ có thể sẽ điều động thêm quân luân phiên tới Philippines trong tương lai nhưng hiện tại, việc ưu tiên Singapore sẽ giúp Washington tránh gây cảm nhận là đang xen vào một tranh chấp 6 bên (bao gồm Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Philippines, Đài Loan và Brunei) vốn đã ngày càng căng thẳng trong vòng 2 năm trở lại đây. Trong khi đó, Australia tuy cũng là một đồng minh quan trọng nhưng lại có vị trí xa Trung Quốc và nằm ngoài chuỗi đảo thứ hai. Thực tế, khi nói về việc triển khai quân ở Australia, Thứ trưởng Quốc phòng Mỹ Michele Flournoy khẳng định rằng “Mỹ không có ý định ngăn chặn Trung Quốc” và rằng “những

động thái thay đổi này quan trọng hơn hết là để củng cố liên minh của Mỹ và Australia” chứ không phải là để chống lại sự trỗi dậy của Trung Quốc.¹⁸

Thông qua việc củng cố thêm cho chiến lược “hạm đội phân tán”, Mỹ đang cố gắng phô diễn sức mạnh hải quân của mình, chủ yếu bằng những cuộc diễn tập hải quân lớn với đồng minh. Những động thái này là nhằm một lần nữa trấn an đồng minh của Mỹ trong khu vực và để nhắc nhở Trung Quốc về sức mạnh vượt trội cũng như sự hiện diện quân sự thường trực của mình ở nhiều địa điểm trên toàn khu vực, đồng thời vẫn tránh đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Ví dụ vào tháng 7 năm 2011, Mỹ đã tổ chức một cuộc tập trận chung đầu tiên với Nhật Bản và Australia tại khu vực Biển Đông, tuy là chỉ trên qui mô rất hạn chế. Một động thái đặc biệt hơn là việc sử dụng tàu sân bay USS *George Washington* tại Biển Nhật Bản trong suốt thời gian cuộc tập trận *Invincible Spirit* diễn ra vào tháng 7 năm 2010, với mục đích phản ứng lại việc Bắc Triều Tiên đánh chìm tàu hộ tống *Cheonan* của Hàn Quốc vào tháng 3 cùng năm. Tàu sân bay này, cùng với 2 tàu tuần dương và 2 tàu khu trục, đã được sử dụng trong cuộc tập trận chung với Hàn Quốc tại biển Hoàng Hải, được công bố chỉ 1 ngày sau khi Bắc Triều Tiên nã pháo vào đảo Yeongpyeong của Hàn Quốc. Mặc dù phần lớn nhắm tới Triều Tiên, nhưng địa điểm của những cuộc tập trận này cũng có thể là lời nhắc nhở cho Trung Quốc về sự hiện diện liên tục và cam kết của Mỹ đối với khu vực này.¹⁹

Các mối lo ngại có thể có

Rõ ràng là Mỹ đang duy trì một sự hiện diện vững chắc và phô trương ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương tại nhiều địa điểm hơn, một sự hiện diện chắc chắn sẽ gây thiệt hại không nhỏ cho Hải quân Trung Quốc trong bất cứ cuộc xung đột nào, nhưng cùng lúc cũng đang chuyển trọng tâm ra khỏi biên giới Trung Quốc để tránh phải đối đầu trực diện. Trong khi đó, Trung Quốc cũng đang phát triển những năng lực để phản kháng lại ưu thế hải quân và ngăn chặn sự can thiệp của Mỹ. Phản ứng của Mỹ trước Trung Quốc có vẻ đã được dự báo bởi giáo sư Milan Vego, người đã viết “mục tiêu của một hạm đội hiện hữu có thể là để ngăn cản một cuộc xâm lược trên biển qui mô lớn hay một cuộc tấn công vào bờ biển, hoặc nó còn có thể dùng để phân tán sức mạnh hải quân của đối phương và buộc họ phải phân bố lại hạm đội của mình”.²⁰ Phản ứng này không nhất thiết bị coi là một điểm yếu: sự di chuyển lực lượng của Mỹ ngày càng xa lãnh thổ Trung Quốc phản ánh tầm bắn ngày càng xa của tên lửa Trung Quốc, và như vậy quân đội Mỹ sẽ không muốn để cho số lượng lớn quân và tài sản của mình chịu rủi ro khi xung đột nổ ra. Hơn nữa, Washington có thể đang muốn duy trì một lực lượng phục kích cho phép Mỹ trả đũa và can thiệp nếu Trung Quốc khiêu chiến với một trong các đồng minh của mình nhưng đồng thời không để nhiều quân gặp rủi ro khi xung đột vừa mới bắt đầu.

Mặc dù vậy, theo như hiệu ứng đã được nhận thấy từ Thuyết Rủi ro của Đô đốc Tirpitz lên người Anh thì vẫn có những mối nguy hiểm cho sự linh động chiến lược này. Thật vậy, chiến lược “hạm đội hiện hữu” rất có thể sẽ gây ra tác dụng ngược so với dự tính. Thuyết Rủi Ro có thể đã thành công trong việc đẩy lên lo ngại của London về sức mạnh của hạm đội Đức và ngăn chặn những hành động gây hấn nhỏ của Anh, nhưng nó cũng khiến cho Anh điều chỉnh chiến lược quốc phòng để chống lại nước Đức đang trở thành một mối đe dọa ngày càng lớn, dẫn đến việc hai cựu thù Anh và Pháp đi vào một liên minh hữu hảo (entente cordiale). Trong khi Đức giành được những lợi ích chiến lược hồi đầu thế kỉ 20 một phần nhờ phát triển hải quân (ví dụ, cuộc khủng hoảng Agadir vốn tiềm ẩn xung đột hải quân đã khiến Pháp phải nhượng một phần lớn thuộc địa Tây Phi cho Đức), họ đã không thể ngăn chặn được nước Anh tuyên chiến vào năm 1914. Việc Đức tích tụ sức mạnh hải quân thực sự làm cho hạm đội High Seas của mình có khả năng trở thành một mối đe dọa đủ lớn để giữ cho Đại Hạm đội của Anh không tấn công (trừ trận Jutland bất phân thắng bại), nhưng nó không đủ để ngăn ngừa một thất bại nặng nề mà họ có thể gánh chịu.

Tương tự, trong trường hợp của Trung Quốc, chiến lược “hạm đội hiện hữu” có thể khuyến khích Mỹ (và các đồng minh chủ chốt, đặc biệt là Nhật Bản) càng tập trung hiện đại hóa quân sự và chiến lược lâu dài hướng vào đối thủ Đông Bắc Á tiềm tàng (tức Trung Quốc) một cách có chủ ý. Chừng nào hạm đội hiện hữu của Trung Quốc còn được xem là nhắm vào việc răn đe Mỹ, thì một cách tự nhiên, Washington sẽ còn tiếp tục gia tăng sức mạnh hải quân nhằm vô hiệu hóa khả năng của Trung Quốc trong việc làm suy yếu sự thống trị của họ trên biển, nhờ đó làm thất bại sự răn đe của Trung Quốc. Như vậy, thay vì ngăn chặn một cuộc chạy đua vũ trang, chiến lược “hạm đội hiện hữu” lại có thể làm kéo dài tình thế lưỡng nan an ninh trong khu vực.

Xung lực này còn có thể trở nên trầm trọng hơn bởi chiến lược “hạm đội phân tán” của Washington. Việc Mỹ di dời lực lượng khỏi Nhật Bản và Hàn Quốc có thể sẽ khiến Trung Quốc càng táo bạo hơn bởi họ đã có được không gian chiến lược mà trước đây không có. Một lý giải cho sự hưng hăng ngày càng tăng của Bắc Kinh trong những năm gần đây có thể là sự tự tin ngày càng lớn của Trung Quốc do sức mạnh quân sự giữa họ và các nước láng giềng nhỏ hơn ngày càng chênh lệch, khi mà Hải quân Trung Quốc hoàn toàn chiếm ưu thế so với các quốc gia giáp biển Đông. Trung Quốc có thể sẽ còn tự tin hơn khi sự hiện diện của Mỹ ở các khu vực lân cận không còn mạnh mẽ như trước. Do đó, chiến lược “hạm đội phân tán” cũng sẽ là một canh bạc, ở chỗ thay vì trấn an đồng minh và khiến Trung Quốc thận trọng hơn, Mỹ sẽ càng kích động Trung Quốc và làm giảm lòng tin của các nước đồng minh.

Tất cả những điều được viết ở đây không nhằm gợi ý rằng xung đột Trung-Mỹ ở Đông Á là việc tất yếu, hoặc rằng chúng ta đang chứng kiến một cuộc chạy đua vũ trang Trung-Mỹ giống như cuộc chạy đua vũ trang hải quân ở châu Âu vào đầu thế kỉ 20. Tuy nhiên, các hành động và chiến lược của Trung Quốc và Mỹ ở Đông Á đang ngày càng tác

động lẫn nhau. Giáo sư Desmond Ball cho rằng một cuộc chạy đua vũ trang đang diễn ra giữa các nước Đông Bắc Á, với các loại vũ khí cụ thể như chiến hạm mặt nước hiện đại, tàu chiến tầm xa và tàu ngầm, được phát triển theo mẫu hình kích thích-phản ứng.²¹ Mặc dù rõ ràng Mỹ và Trung Quốc vẫn còn sự chênh lệch về hỏa lực rất lớn, nhưng mối quan hệ giữa hai quốc gia này cũng có nhiều nét tương đồng với cuộc chạy đua vũ trang mà giáo sư Desmond Ball đề cập tới. Trong trường hợp này, Mỹ đang phát triển chiến lược để chống lại các năng lực chống tiếp cận/phong tỏa khu vực của Trung Quốc, vốn cũng đang được Bắc Kinh phát triển để loại bỏ thế thống trị của Hải quân Mỹ. Chiến lược “hạm đội hiện hữu” và hệ lụy tự nhiên của nó, chiến lược “hạm đội phân tán”, đều có những rủi ro của riêng mình.

Ghi chú

- ¹ Bộ Quốc phòng Mỹ, ‘Sustaining US Leadership: Priorities for 21st Century Defense’, ngày 5/1/2012, trang 2, www.defense.gov/news/Defense_Strategic_Guidance.pdf
- ² Hillary Clinton, ‘America’s Pacific Century’, *Foreign Policy*, tháng 11 năm 2011, http://www.foreignpolicy.com/articles/2011/10/11/americas_pacific_century
- ³ Về bài phát biểu của Robert Gates, xem ‘Emerging Security Challenges in the Asia-Pacific’, Đối thoại Shangri-La, Hội nghị thượng đỉnh An ninh châu Á lần thứ 10, Phiên họp toàn thể đầu tiên, Singapore, ngày 4 tháng 6 năm 2011, <http://www.iiss.org/conferences/the-shangri-la-dialogue/shangri-la-dialogue-2011/speeches/first-plenary-session/dr-robert-gates/>
- ⁴ Đô đốc Jonathan Greenart, ‘Navy 2025: Forward Warfighters’, *Proceedings*, Vol. 137, No. 12 (tháng 12 năm 2011), <http://www.usni.org/magazines/proceedings/2011-12/navy-2025-forward-warfighters>
- ⁵ Ben Packham, ‘2,500 Marines on Australian Soil to Increase Defence Ties’, *The Australian*, 17 tháng 11 năm 2011, <http://www.theaustralian.com.au/national-affairs/obama-in-australia/us-president-touches-down-at-fairbairn-airforce-base/story-fnb0o39u-1226197111255>
- ⁶ Hillary Clinton, ‘Remarks Aboard USS Fitzgerald Commemorating the 60th Anniversary of the U.S.– Philippines Mutual Defense Treaty’, Manila, Philippines, 16 tháng 11 năm 2011, <http://www.state.gov/secretary/rm/2011/11/177228.htm>
- ⁷ Geoffrey Till, *Seapower: A Guide for the Twenty-First Century*, 2nd ed. (Abingdon: Routledge, 2009), p. 173.
- ⁸ Xem thêm bàn luận về những ví dụ lịch sử, Milan N. Vego, *Naval Strategy and Operations in Narrow Seas*, 2nd ed. (London: Cass, 2003), pp. 208–9; Norman Friedman, *Seapower as Strategy: Navies and National Interests* (Annapolis, MD: Naval Institute Press, 2001), pp. 88–90. Về bản ghi nhớ của Tirpitz, xem Jonathan Steinberg, *Yesterday’s Deterrent: Tirpitz and the Birth of the German Battlefleet* (London: Macdonald, 1965), pp. 209–10.

- ⁹ Winston Churchill, *The Second World War, Volume III: The Grand Alliance* (New York: Houghton Mifflin, 1985), p. 773.
- ¹⁰ A.T. Mahan, *Naval Strategy: Compared and Contrasted with the Principles and Practise of Military Operations on Land* (Boston, MA: Little, Brown and Co., 1911), trích dẫn trong Till, *Seapower*, pp. 174–5
- ¹¹ Julian Corbett, *Some Principles of Maritime Strategy* (London: Longmans, Green & Co, 1911), tái bản trong *Classics of Sea Power* (Annapolis, MD: United States Naval Institute, 1988), p. 212.
- ¹² Phòng văn tác giả, Singapore, 3–5/6/2011.
- ¹³ Xem Ian Storey, ‘China’s “Malacca Dilemma”’, *China Brief*, vol. 6, no. 8, 12 April 2006, http://www.jamestown.org/programs/chinabrief/single/?tx_ttnews%5Btt_news%5D=31575&tx_ttnews%5BbackPid%5D=196&no_cache=1
- ¹⁴ Như trên.
- ¹⁵ Bộ Quốc Phòng Mỹ, ‘Joint Operational Access Concept’, v1.0, 17 January 2012, pp. ii, 26, 30.
- ¹⁶ Để biết chi tiết về việc di dời cam kết của Mỹ tại Đông Nam Á, xem Maurice Johnstone & Eugena Stone, ‘Shifting Gear – US Reviews its Commitments in East Asia’, trong *Jane’s Intelligence Review*, vol. 22, no. 4, April 2010.
- ¹⁷ Donna Miles, ‘Willard: U.S. Welcomes Rotations, Not Bases, in Asia-Pacific’, American Forces Press Service, 27 January 2012.
- ¹⁸ ‘U.S. Undersecretary Says Troops Deployment to Australia Not Aimed at China’, *Bloomberg News*, 8 December 2011, <http://www.bloomberg.com/news/2011-12-08/u-s-says-australia-troop-plan-not-aimed-at-china-correct-.html>
- ¹⁹ Để biết phân tích về việc sử dụng tập trận hải quân như một hình thức ngoại giao pháp hạm ở Đông Á, xem Christian Le Mière, ‘The Return of Gunboat Diplomacy’, *Survival: Global Politics and Strategy*, vol. 53, no. 5, October– November 2011, pp. 53–68.
- ²⁰ Vego, *Naval Strategy and Operations in Narrow Seas*, pp. 207–8, tác giả tự nhấn mạnh.
- ²¹ Xem Desmond Ball, ‘Asia’s Naval Arms Race: Myth or Reality?’, thuyết trình trước Hội nghị Bàn tròn Châu Á-Thái Bình Dương tại Kuala Lumpur, 30/5/2011.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

Biên dịch & Hiệu đính: Vương Tuấn Hưng

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.